

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11/12/2017

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc.
2. Bà Doãn Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thân Văn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Hẻm số 90, đường X, tổ 7, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Hẻm số 205, đường X, tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thân Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị B tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh G. Trong thời gian vợ chồng chung sống từ năm 2005 bà B đã không lo làm ăn, luôn cờ bạc, ông đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà B không thay đổi. Từ năm 2014 đến nay ông và bà B không sống chung với nhau, ông đưa 02 con về nhà cha mẹ để sống, còn bà B sống ở nhà cha mẹ bà B. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không quan tâm đến nhau. Nay ông không còn tình cảm gì với bà B, vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị B.

- Về con chung: Ông và bà Phan Thị B có 02 con chung là cháu Thân Th, sinh ngày 13/4/2003 và cháu Thân T, sinh ngày 27/5/2005. Ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con vì khi ông và bà B sống ly thân từ năm 2014, các con ông đều sống cùng ông cho đến nay, ngoài ra các con ông cũng có nguyện vọng muốn sống cùng ông.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà Phan Thị B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là bà Phan Thị B. Tuy nhiên, bà B không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà B không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- ***Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*** Đảm bảo, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thụ lý và xét xử sơ thẩm vụ án.

- ***Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Thân Văn Đ. Ông Thân Văn Đ được ly hôn với bà Phan Thị B. Giao cho ông Thân Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thân Th, sinh ngày 13/4/2003 và cháu Thân T, sinh ngày 27/5/2005 cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là bà Phan Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà B tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà B vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: Ông Thân Văn Đ và bà Phan Thị B đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh G trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Thân Văn Đ trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng ông luôn xảy ra mâu thuẫn do bà B không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, mặc dù ông đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà B không thay đổi. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, ông và bà B đã sống ly thân từ năm 2014, trong thời gian sống ly thân cả hai đều không ai quan tâm đến nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa ông Đ và bà B là có thật nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được.

Đối với bà Phan Thị B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để bà tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông Thân Văn Đ nhưng bà B đều vắng mặt chứng tỏ bà không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không; đến nay thì ông Thân Văn Đ khẳng định không còn tình cảm yêu T bà B nữa nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu của ông Thân Văn Đ về việc ly hôn bà Phan Thị B là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Ông Thân Văn Đ và bà Phan Thị B có 02 con chung là cháu Thân Th, sinh ngày 13/4/2003 và cháu Thân T, sinh ngày 27/5/2005. Ly hôn ông Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con.

Xét thấy, nguyện vọng của ông Thân Văn Đ được nuôi 02 con là chính đáng, phù hợp theo quy định của pháp luật vì cháu Thân Th và cháu Thân T đều có lời khai tại hồ sơ thể hiện từ khi cha mẹ ly thân, các cháu sống chung với cha, nếu cha mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng muốn sống với cha. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Thân Văn Đ giao cháu Thân Th, sinh ngày 13/4/2003 và cháu Thân T, sinh ngày 27/5/2005 cho ông Thân Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thân Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Ông Thân Văn Đ trình bày, ông và bà Phan Thị B không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Ông Thân Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10, Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn Đ.

1. Ông Thân Văn Đ được ly hôn với bà Phan Thị B.

2. Giao cho ông Thân Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thân Th, sinh ngày 13/4/2003 và cháu Thân T, sinh ngày 27/5/2005 cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Ông Thân Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (**Ba trăm ngàn đồng**), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003531 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; ông Thân Văn Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Như Phượng

